

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **50/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 16 - 8 - 2022
V/v tranh chấp: *Ly hôn giữa bà
H và ông Q.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM - TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trường
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Hà
2. Bà Nguyễn Thị Tài

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 217/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự.

* **Nguyên đơn:** Bà **Lịch Thị H**, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện B1, tỉnh Bắc Kạn. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Ông **Lê Văn Q**, sinh năm: 1989. Địa chỉ: Thôn 2, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Lịch Thị H trình bày:

**** Về hôn nhân:***

Bà H và ông Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay được sáp nhập vào thành xã T), huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 04 tháng 02 năm 2013. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu

cầu được ly hôn với ông Q.

Còn ông Q thì cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên do bà H bỏ về quê sinh sống nên từ năm 2015 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Vì vậy, ông Q đồng ý ly hôn với bà H.

** Về con chung:* Bà H và ông Q đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh Q1, sinh ngày 08/10/2011 và cháu Lê Thu K, sinh ngày 21/4/2013. Khi ly hôn, bà H và ông Q thỏa thuận giao cháu Lê Minh Q1 cho ông Q và giao cháu Lê Thu K cho bà H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên. Không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

** Về tài sản chung, nợ chung:* Bà H và ông Q đều trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn bà Lịch Thị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lịch Thị H, xử cho bà Lịch Thị H được ly hôn với ông Lê Văn Q;
- Về con chung: Giao cháu Lê Minh Q1 cho ông Q và giao cháu Lê Thu K cho bà H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên. Không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông Q đều trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Bà Lịch Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về việc tranh chấp “Ly hôn” với ông Lê Văn Q. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lịch Thị H và bị đơn ông Lê Văn Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông Q tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã C (nay được sáp nhập vào thành xã T), huyện B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 04 tháng 02 năm 2013. Hôn nhân được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông Q là hoàn toàn hợp pháp.

Quá trình chung sống thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015, không ai quan tâm đến ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H và ông Q đều yêu cầu được ly hôn. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông Q.

- *Về con chung:* Bà H và ông Q đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh Q1, sinh ngày 08/10/2011 và cháu Lê Thu K, sinh ngày 21/4/2013. Hiện nay cháu Quân đang ở với ông Q, cháu K đang ở với bà H. Khi ly hôn, bà H và ông Q thỏa thuận giao cháu Lê Minh Q1 cho ông Q và giao cháu Lê Thu K cho bà H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên. Việc thỏa thuận giao con chung của bà H và ông Q đều phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về cấp dưỡng:* Bà H và ông Q đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà H và ông Q đều trình bày không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc bà H phải chịu 300.000đ tiền án phí phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lịch Thị H đối với ông Lê Văn Q về việc tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho bà Lịch Thị H được ly hôn với ông Lê Văn Q.

2/ Về con chung: Giao cháu Lê Minh Q1, sinh ngày 08/10/2011 cho ông Lê Văn Q có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Giao cháu Lê Thu K, sinh ngày 21/4/2013 cho bà Lịch Thị H có trách nhiệm

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Bà Lịch Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Lịch Thị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009478 ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Bà Lịch Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về Q kháng cáo: Đương sự có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/8/2022), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5- Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện B;
- UBND xã T, B, Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường